CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Môi trường Đô thị Nha Trang

Ngày 31/12/2024	9,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**2.2%**	**-1.2%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,211 - 10,725
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
Số lượng CPLH (CP)	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,770
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.57
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024
3.6%
YoY: +/-▲ 0.1%

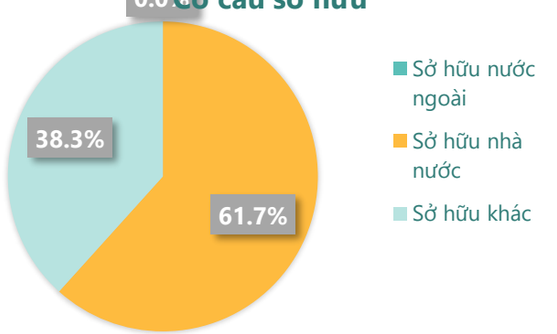
ROE
2024
9.0%
YoY: +/-▼ 0.0%

DT thuần
2024
227
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -2.9%

LN thuần
2024
8.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.14| -1.7%

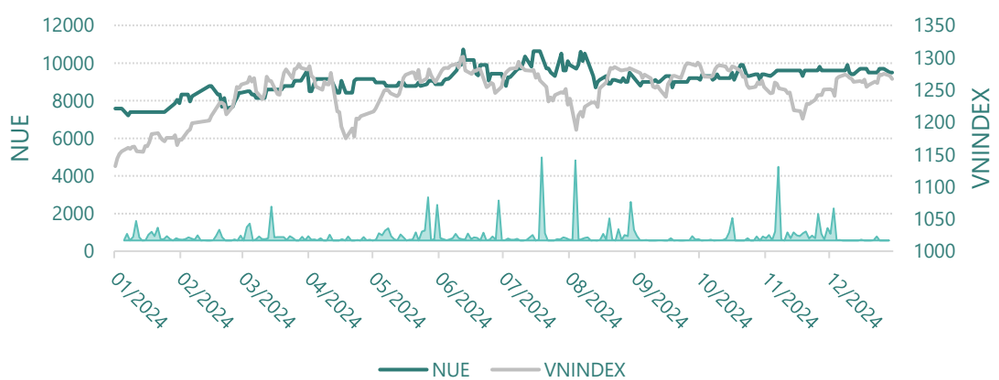
LN sau thuế
2024
6.44
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.02| 0.4%

Cơ cấu sở hữu

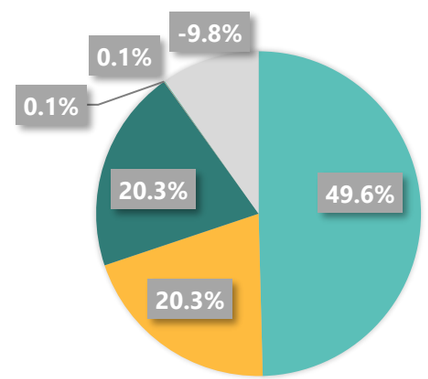


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

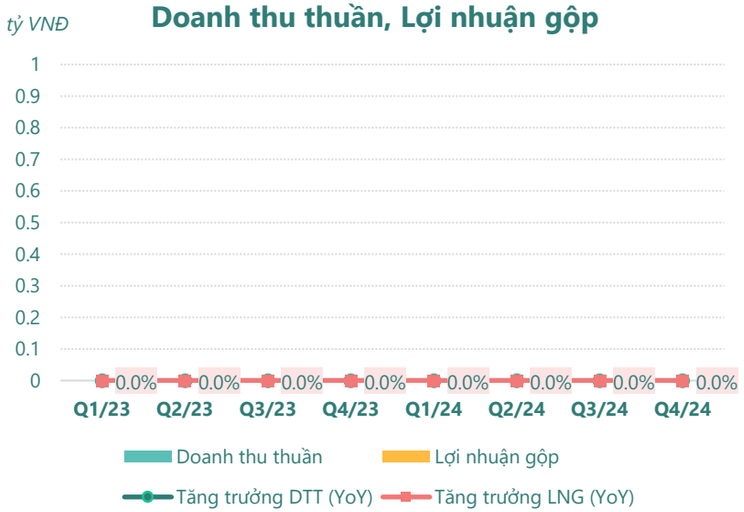


- UBND Tỉnh Khánh Hòa
- Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Du lịch Tường Nhàn
- Võ Tường Trọng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thành Tây
- Lương Hải Thiện (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

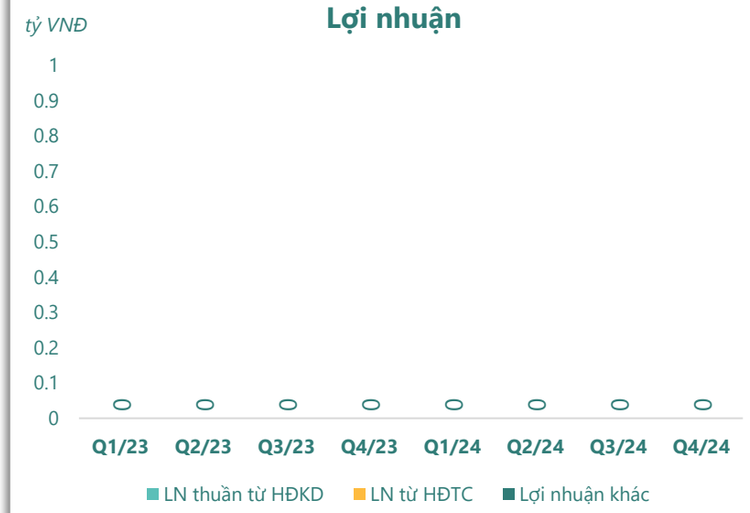
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



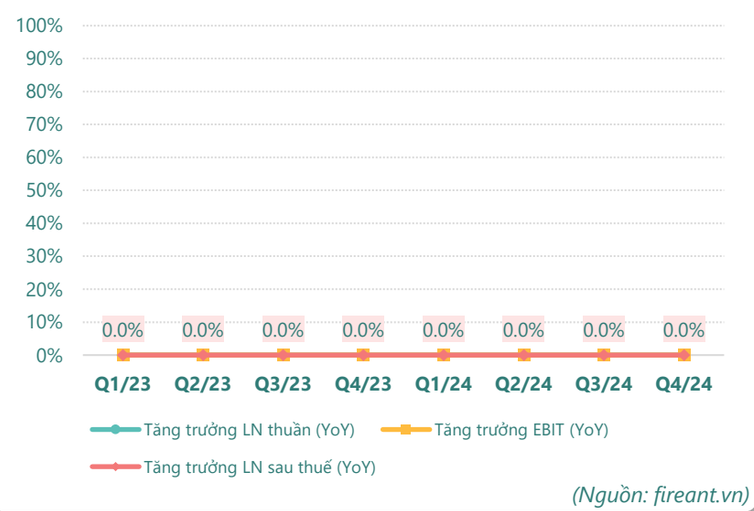
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



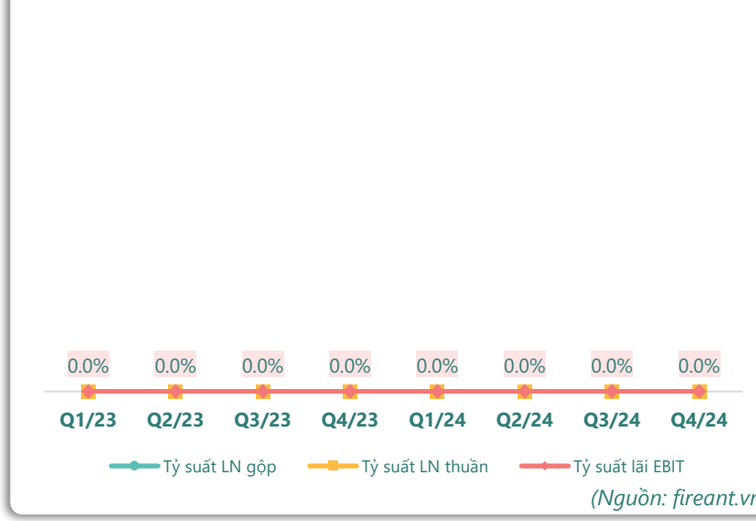
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



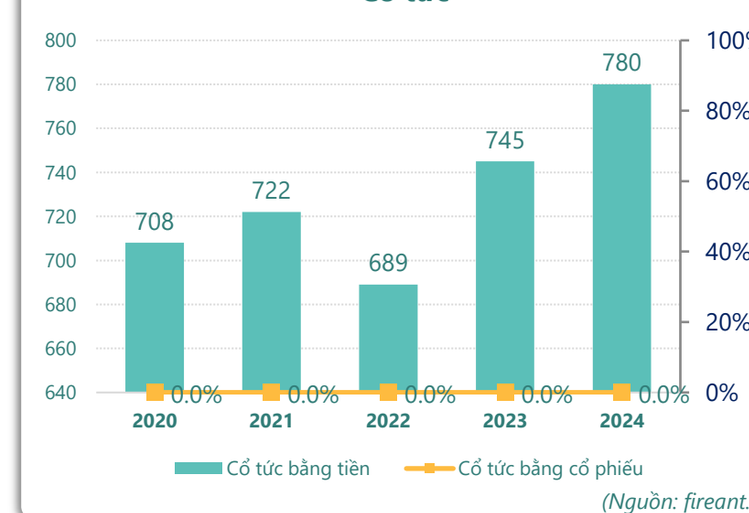
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

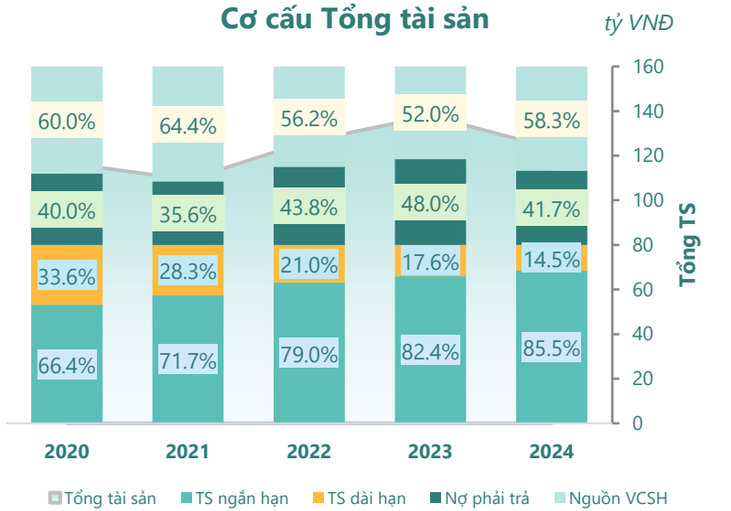
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

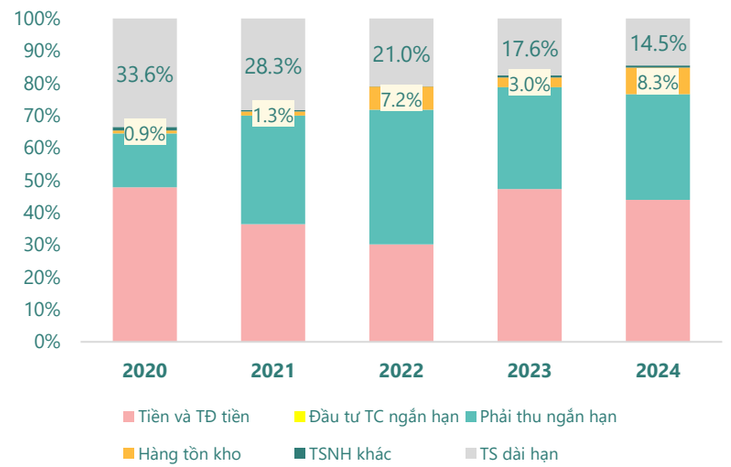
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



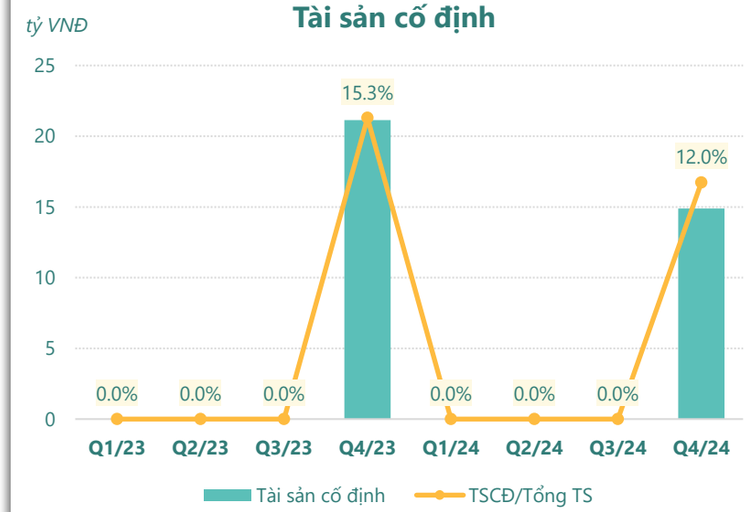
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



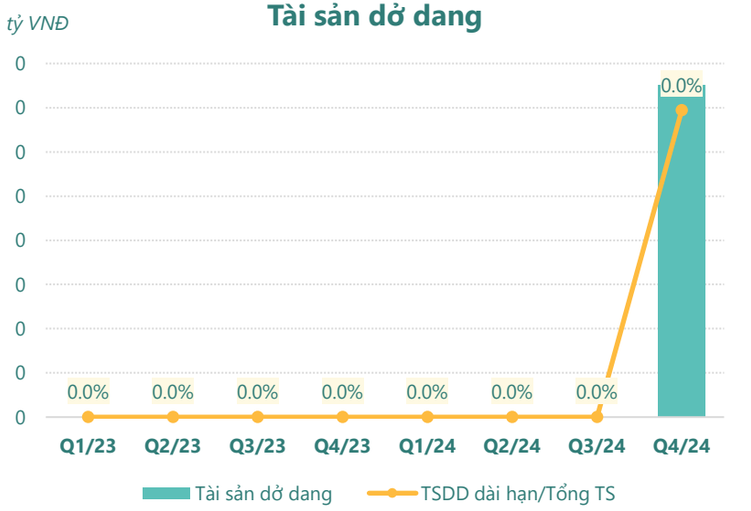
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



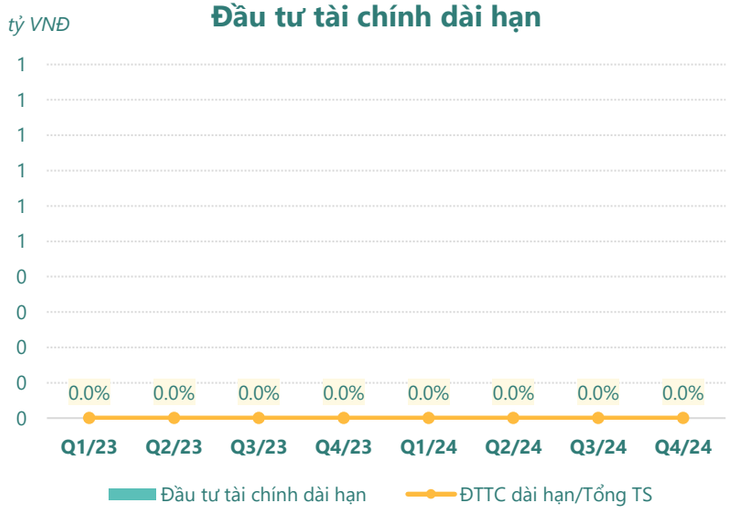
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



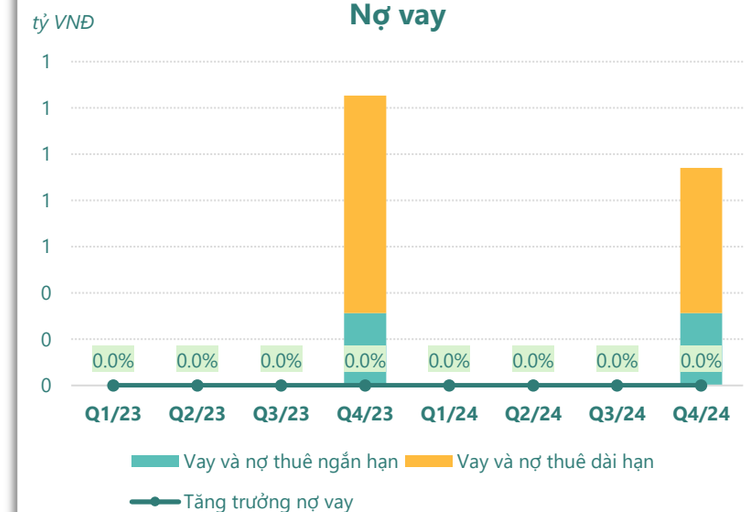
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

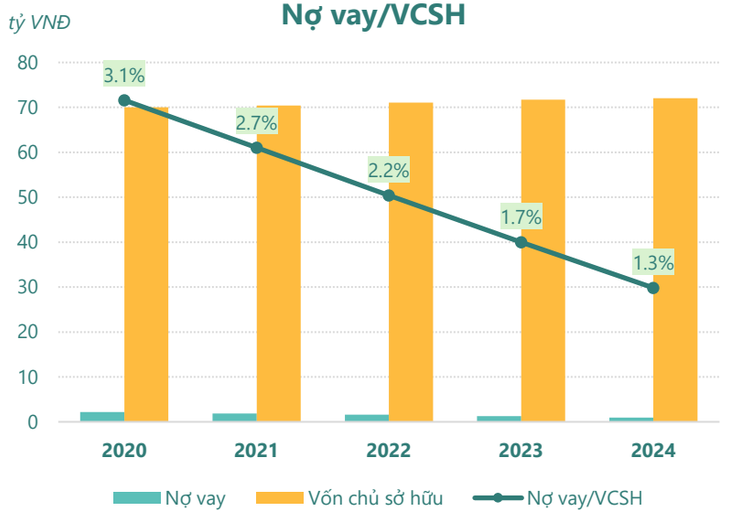
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

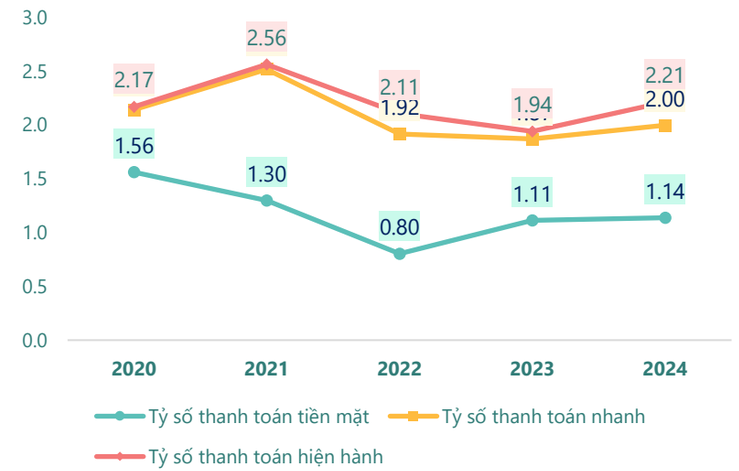
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



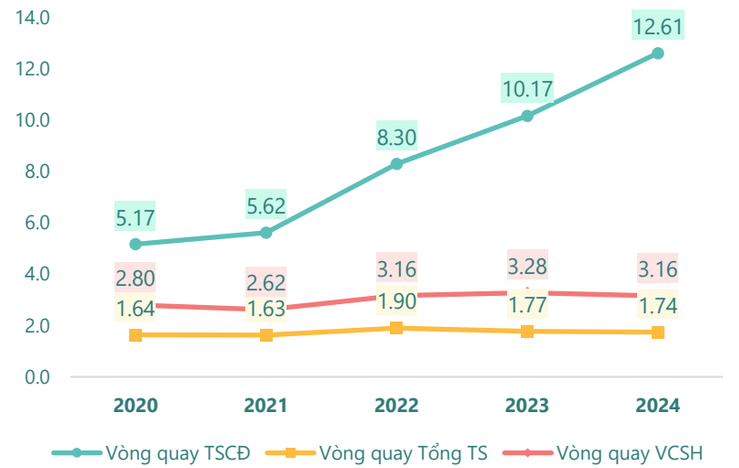
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



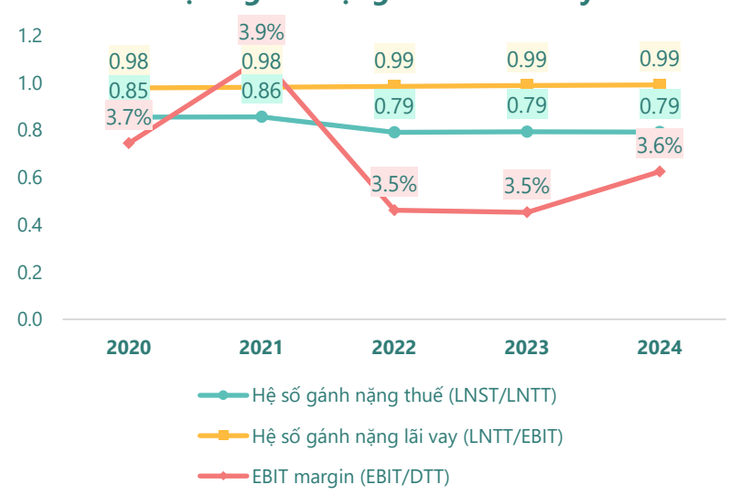
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



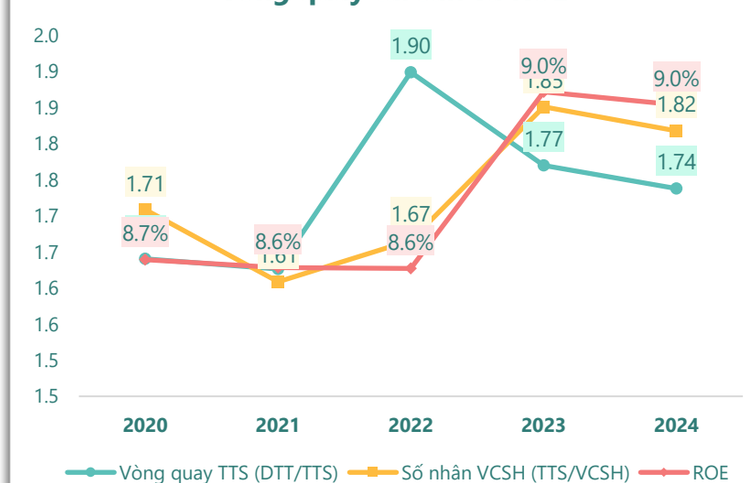
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



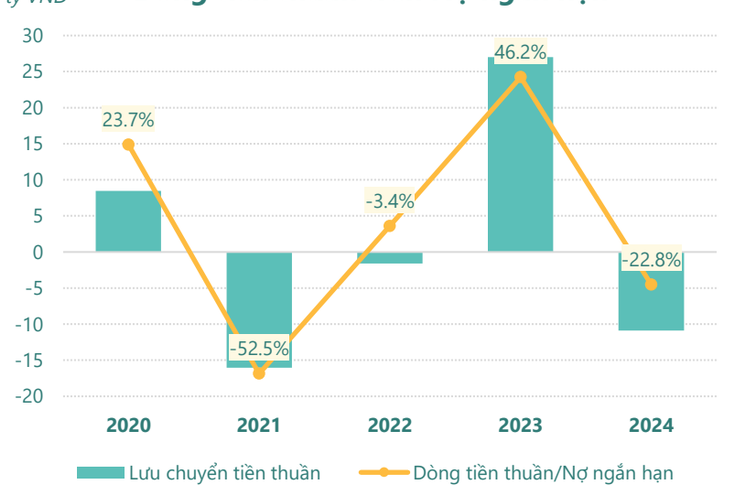
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**227**	**234**	**-2.9%**
Giá vốn hàng bán				208	216	-3.5%
Lợi nhuận gộp				18.9	18.3	3.5%
Doanh thu HĐTC				1.30	2.03	-35.9%
Chi phí TC				0.07	0.09	-22.2%
Chi phí lãi vay				0.07	0.09	-22.2%
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				0	0	
Chi phí QLDN				**12.0**	**12.0**	**0.6%**
LN thuần từ HĐKD				8.09	8.23	-1.7%
Lợi nhuận khác				**0.05**	**-0.14**	**134%**
LN trước thuế				8.14	8.10	0.5%
Lợi nhuận sau thuế				**6.44**	**6.42**	**0.4%**
LNST của CĐ cty mẹ				**6.44**	**6.42**	**0.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**123**	**138**	**-10.4%**
Tài sản ngắn hạn	106	114	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	54.3	65.1	-16.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.3	43.4	-7.2%
Hàng tồn kho	10.2	4.11	148%
Tài sản ngắn hạn khác	0.84	0.87	-3.3%
Tài sản dài hạn	**17.9**	**24.3**	**-26.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.9	21.1	-29.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.02	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.01**	**3.19**	**-5.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.4	66.1	-22.2%
Nợ ngắn hạn	**47.7**	**58.5**	**-18.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.31	0.31	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	19.9	-44.1%
Nợ dài hạn	3.72	7.65	-51.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.94	-33.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**72.0**	**71.7**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**72.0**	**71.7**	**0.5%**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)